

Bản án số: 23/2026/HS-ST

Ngày: 12-02-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Đức.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Bổng, ông Đinh Công Ó.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ngoãn - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 5 - Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Sơn La tham gia phiên tòa:
Ông Lương Thành Long - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 5 - Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 22/2026/TLST-HS ngày 20/01/2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2026/QĐXXST-HS ngày 02/02/2026, đối với các bị cáo:

1. Bị cáo Bạc Văn A (tên gọi khác: không), sinh ngày 15/9/1968 tại xã PY, tỉnh Sơn La; nơi đăng ký thường trú và nơi ở hiện nay: Bản NP, xã PY, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Trồng trọt (Nguyên Bí thư, Trưởng bản NP, xã PY, tỉnh Sơn La); trình độ học vấn: Lớp 09/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; đảng phái, đoàn thể: Là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam (đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng, theo Quyết định số 150-QĐ/UBKTHU ngày 08/5/2025 của Ủy ban Kiểm tra-Huyện ủy PY); con ông Bạc Văn Đ (đã chết) và bà Đinh Thị K, sinh năm 1948; vợ là Lương Thị T; có 02 con, con lớn sinh năm 1996 và con nhỏ sinh năm 1997; tiền án, tiền sự: Không có; bị bắt tạm giam từ ngày 26/4/2025 cho đến nay; có mặt.

2. Bị cáo Hà B C (tên gọi khác: không), sinh ngày 14/01/1980 tại xã TH, tỉnh Sơn La; nơi đăng ký thường trú và nơi ở hiện nay: Bản TP, xã PY, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Lao động tự do (Nguyên Chủ tịch UBND xã HT, nay là UBND xã PY, tỉnh Sơn La); trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; đảng phái, đoàn thể: Là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam (đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng, theo Quyết định số 01-QĐ/UBKTDU ngày 16/9/2025 của Ủy ban Kiểm tra-Đảng ủy xã PY); con ông Hà Chân C (đã chết) và bà Lương Thị Th, sinh năm 1950; vợ là Hà Thị H; có 02 con, con lớn sinh năm 2005 và con

nhỏ sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không có; bị bắt tạm giam từ ngày 14/9/2025 cho đến nay; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Bạc Văn A: Ông Nguyễn Bá Linh là Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Sơn La; có mặt.

Nguyên đơn dân sự: Cộng đồng bản NP, xã PY, tỉnh Sơn La; Đại diện theo pháp luật: ông Hà Văn Q, chức vụ: trưởng bản NP; có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Hạt kiểm lâm khu vực V thuộc Chi cục kiểm lâm tỉnh Sơn La; địa chỉ: tiểu khu X, xã PY, tỉnh Sơn La; Người đại diện theo pháp luật: Ông Sòi Văn K, chức vụ: Hạt A Hạt kiểm lâm khu vực V; vắng mặt.

- Ủy ban nhân dân xã PY, tỉnh Sơn La; Địa chỉ: Tiểu khu X, xã PY, tỉnh Sơn La; Người đại diện theo pháp luật: Ông Đinh Đức D, chức vụ: Chủ tịch UBND xã PY; vắng mặt.

- Ông Đinh Văn E, sinh năm 1977; Địa chỉ: Bản Z, xã PY, tỉnh Sơn La; có mặt.

- Ông Nguyễn Văn F, sinh năm 1988; Địa chỉ: Khu Dân cư CS, phường NC, thành phố HP; vắng mặt.

- Ông Nguyễn Văn G, sinh năm 1988; Địa chỉ: Khu dân cư CS, Phường NC, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- Ông Đoàn Đức H, sinh năm 1985; Địa chỉ: Tiểu khu X, xã PY, tỉnh Sơn La; vắng mặt.

- Ông Đinh Thế X, sinh năm 1982; Địa chỉ: Bản Z, xã PY, tỉnh Sơn La; có mặt.

- Bà Hà Thị H1, sinh năm 1984; Địa chỉ: Bản TP, xã PY, tỉnh Sơn La. Có mặt.

- Bà Bạc Thị G, sinh năm 1996; Địa chỉ: Bản Nà Pục, xã TH, tỉnh Sơn La. Có mặt.

- Ông Đinh Công T1, sinh năm 1996; Địa chỉ: Bản NP, xã PY, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 16/01/2024, UBND xã HT, huyện PY, tỉnh Sơn La, đại diện là ông Hà B C - Chủ tịch UBND xã HT ký hợp đồng giao khoán số 08/HĐ-UBND-KBVR với Cộng đồng bản NP, đại diện là ông Bạc Văn A – trưởng bản NP với nội dung: giao khoán cho cộng đồng bản NP với diện tích khoán là 77,93ha để sử dụng vào mục đích

khoanh nuôi tái sinh tự nhiên, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên theo biện pháp kỹ thuật lâm sinh.

Khoảng tháng 5/2024, do có nhu cầu muốn thuê đất rừng sản xuất để trồng cây lâm nghiệp lấy gỗ, nên ông Đinh Văn E, sinh năm 1977, trú tại bản Z, xã HH, huyện PY (nay là bản Z, xã PY, tỉnh Sơn La) - Giám đốc Công ty TNHH phát triển rừng Sơn La đã đến trụ sở UBND xã HT, huyện PY, tỉnh Sơn La để gặp Hà B C - khi đó là Chủ tịch UBND xã HT. Khi đó, ông E nói với C về việc mình muốn thuê đất rừng sản xuất trên địa bàn xã HT để trồng cây lâm nghiệp lấy gỗ khai thác. Nghe vậy, C nói ông E trực tiếp đến gặp ban quản lý các bản trên địa bàn xã HT, nếu ban quản lý bản đồng ý thì ông C sẽ đồng ý cho thuê đất rừng. Do biết bản NP, xã HT được giao khoán rừng sản xuất, ông E đã liên hệ với Ban quản lý bản NP gồm Bạc Văn A - Bí thư, trưởng bản và Đinh Văn M - Phó trưởng bản, Chi hội A hội nông dân bản NP để hỏi thuê đất rừng sản xuất của bản NP để trồng cây lâm nghiệp và trồng cây dược liệu. Khi thấy ông E đặt vấn đề như vậy, A và M nói để bàn bạc lại với người dân trong bản, khi nào có kết quả sẽ liên hệ với ông E sau. Đến khoảng tháng 8/2024, ông E đến gặp A và M để hỏi về việc thuê đất rừng sản xuất thì A và M thông báo là cộng đồng bản NP đã đồng ý cho thuê đất. Sau đó, ông E bàn với A và M về các nội dung trong hợp đồng thuê đất với diện tích đất cho thuê là 42,29ha, thời gian thuê đất là 10 năm từ 15/8/2024 đến ngày 15/8/2034. Giá thuê đất là 20.000.000 đồng/năm. B toán trước 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*) cho 5 năm. Số tiền còn lại sẽ được thanh toán sau 5 năm kế tiếp. Sau đó, ông E cùng M đi kiểm tra thực địa khu vực rừng dự kiến cho ông E thuê. Ông E đã nhờ anh Đoàn Đức D2, địa chỉ: tiểu khu X, xã PY, tỉnh Sơn La để đi đến khu vực rừng tại bản NP, đo đạc bản đồ vị trí đất rừng sẽ thuê cho ông E.

Ngày 15/8/2024, ông E mang hợp đồng thuê đất rừng số 05/HĐTĐ-PTR và hợp đồng góp vốn trồng rừng số 06/HĐTĐ-PTR đến nhà A tại bản NP để ký hợp đồng thuê đất rừng sản xuất. A nói diện tích rừng cho thuê là 42,29ha đất rừng tại tiểu khu 471c và 471 thuộc bản NP, xã HT là đất rừng sản xuất thuộc quản lý của Hội nông dân bản nên để Đinh Văn M - Phó trưởng bản, Chi hội trưởng hội nông dân là người ký hợp đồng. Quá trình ký hợp đồng tại nhà của A thì M có đưa cho ông E một Biên bản họp dân của bản NP, tại Biên bản họp dân có thành phần là ông E cùng em họ của ông E là ông Đinh Thế X, trú tại Bản Z, xã HH, huyện PY nay là Bản Z, xã PY, tỉnh Sơn La. Ông E ký vào Biên bản xong cầm Biên bản này về để đưa cho ông X ký rồi chuyển lại sau cho ông M. Ký hợp đồng xong, ông E trực tiếp đưa số tiền 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*) cho M. Quá trình ký hợp đồng và thanh toán tiền thuê đất chỉ có A, M và ông E tham gia thực hiện ngoài ra không có ai khác. Số tiền 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*) cho thuê đất rừng Đinh Văn M trực tiếp cất giữ.

Sau khi ký hợp nêu trên xong, ông E trực tiếp mang 02 Hợp đồng đến UBND xã HT nay là UBND xã PY để xin xác nhận của M quyền địa phương. Tại trụ sở

UBND xã HT, ông E gặp Hà B C - Chủ tịch UBND xã HT. Tại đây, ông E trình bày về việc bản thân muốn trồng cây lâm nghiệp và cây dược liệu tại rừng sản xuất thuộc bản NP và đã được chính quyền bản NP đồng ý. Nghe vậy, C không kiểm tra lại thông tin trong hợp đồng với M và A, cũng không giao bộ phận chuyên môn, giúp việc để kiểm tra lại tính pháp lý của 02 hợp đồng mà trực tiếp ký xác nhận vào 02 hợp đồng và giao bộ phận văn phòng đóng dấu UBND xã HT vào 02 hợp đồng, quá trình ký xác nhận vào hợp đồng chỉ có ông E và C biết.

Sau khi thuê được 42,29ha (*Bốn mươi hai phẩy hai mươi chín héc-ta*) đất rừng từ cộng đồng bản NP, do muốn tìm người thuê lại đất rừng, thông qua giới thiệu của ông Đinh Thế X (tên gọi ở nhà là H1) ông E biết Nguyễn Văn F, trú tại Khu dân cư CS, phường DT, thị xã KM, tỉnh HD (nay là Khu dân cư CS, phường NC, thành phố Hải Phòng) là người có nhu cầu thuê đất rừng sản xuất để trồng cây dược liệu. Sau đó, F đã rủ Nguyễn Văn D1, (ở cùng địa chỉ) lên huyện PY để gặp ông E trao đổi việc thuê đất rừng. Quá trình trao đổi ông E có dẫn F vào khu vực rừng sản xuất mà công ty đã thuê được từ Cộng đồng bản NP, xã HT để xem xét thực địa. Khi đi kiểm tra thực địa có ông E, X, F, D1 và M. Sau khi đi kiểm tra thực địa, tại trụ sở văn phòng của công ty ông E đã cho F xem hợp đồng thuê đất rừng sản xuất giữa Công ty TNHH phát triển rừng Sơn La với đại diện Cộng đồng bản NP, F cũng trao đổi với M về nguồn gốc của đất rừng.

Ngày 05/12/2024, F và đại diện Công ty TNHH phát triển rừng Sơn La là ông Đinh Văn E - Giám đốc đã ký kết hợp đồng thuê đất rừng số 10/HĐTĐ-PTR với nội dung Công ty TNHH phát triển rừng Sơn La đồng ý cho ông F “*thuê khu đất rừng phần đất cộng đồng bản NP, chỗ đất đã cấp chứng nhận quyền sử dụng đất tiểu khu 471C và đất lâm nghiệp chưa cấp sổ tạm giao cho cộng đồng bản Noong Púng quản lý thuộc tiểu khu 471. Địa chỉ thửa đất bản NP, xã HT, huyện PY, tỉnh Sơn La; diện tích 21,57 ha. Hợp đồng có giá trị 10 năm kể từ ngày 05/12/2024 đến 05/12/2034, giá thuê đất được tính ổn định 2,5 triệu đồng/01ha/01 năm*”. Sau khi ký hợp đồng xong F đã thanh toán tiền thuê đất đợt 01 là 160.000.000đ (*Một trăm sáu mươi triệu đồng*) cho ông E. Quá trình ký hợp đồng và thanh toán tiền chỉ có ông E và ông F biết.

Do chưa có nhu cầu sử dụng, ngày 07/12/2024, F đã cho Nguyễn Văn D1 thuê lại toàn bộ 21,57ha (*Hai mươi một phẩy năm mươi bảy héc-ta*), vị trí đất tiểu khu 471C và 471 thuộc bản NP, xã HT, huyện PY, tỉnh Sơn La, giá thuê là 2.500.000 đồng/01ha/01 năm, D1 đã thanh toán số tiền 150.000.000đ (*Một trăm năm mươi triệu đồng*) tiền mặt, là tiền thuê rừng 03 năm cho F. Theo lời khai của Nguyễn Văn D1 từ ngày ký hợp đồng thuê đất đến hiện tại D1 chưa tiến hành hoạt động trồng cây lâm nghiệp tại khu vực đất đã thuê được. Bản thân D1 khai cũng không thuê cá nhân nào đến khu vực đất rừng trên để chặt, phát, phá cây trong rừng.

Ngày 17/12/2024, tổ kiểm tra do UBND xã HT phối hợp với Hạt kiểm lâm PY, nay là Hạt kiểm lâm khu vực V tiến hành kiểm tra rừng tại khu Đất Đen (gọi

theo tiếng địa phương) thuộc địa phận bản NP, xã HT, huyện PY phát hiện tại tiểu khu 471, khoảnh 5, lô 46 và lô 64 (theo Bản đồ được UBND tỉnh Sơn La phê duyệt tại Quyết định 886/QĐ-UBND ngày 16/5/2024) có khu rừng sản xuất bị chặt phá, hủy hoại với diện tích khoảng 8.940m² (*Tám nghìn chín trăm bốn mươi mét vuông*), số lượng lâm sản thiệt hại là 233 (*Hai trăm ba mươi ba*) cây gỗ thông thường, tổng khối lượng lâm sản bị thiệt hại là 23,907m³ (*Hai mươi ba phẩy chín không bảy mét khối*). Sau khi phát hiện sự việc, tiến hành lập biên bản ghi nhận sự việc ban đầu, UBND xã HT đã chuyển nội dung vụ việc kèm các tài liệu có liên quan đến Cơ quan CSĐT Công an huyện PY, tỉnh Sơn La để giải quyết theo thẩm quyền.

Sau khi Cơ quan CSĐT Công an huyện PY, tỉnh Sơn La tiếp nhận tin báo để giải quyết. Ngày 20/12/2024, Đinh Văn M đã treo cổ tự tử chết tại lán nương ở bản NP.

1. Kết quả khám nghiệm hiện trường và tạm giữ đồ vật, tài liệu

Ngày 30/12/2024, Cơ quan CSĐT Công an huyện PY, tỉnh Sơn La phối hợp với Viện KSND huyện PY nay là VKSND khu vực 5 - Sơn La và các đơn vị liên quan tiến hành khám nghiệm hiện trường đối với vụ việc có dấu hiệu Hủy hoại rừng, xảy ra tại khu vực Đất Đen (gọi theo tiếng địa phương) thuộc địa phận bản NP, xã HT, huyện PY. Kết quả khám nghiệm xác định: diện tích rừng bị hủy hoại toàn phần là 16.260m², diện tích rừng bị hủy hoại dưới tán là 18.240m². Tổng diện tích rừng bị hủy hoại là 34.500m². Tổng số lâm sản bị thiệt hại là 233 cây gỗ thông thường, có khối lượng 23,907m³. Sau khám nghiệm, toàn bộ số lâm sản được giữ nguyên tại hiện trường và bàn giao cho UBND xã HT (nay là UBND xã PY) và cộng đồng bản NP quản lý.

Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Sơn La đã tạm giữ các đồ vật, tài liệu có liên quan sau:

- Tài liệu do UBND xã HT giao nộp: 01 hợp đồng thuê đất rừng số 05 ghi ngày 15/8/2024 giữa bên cho thuê là bản NP - người đại diện là Đinh Văn M với Công ty TNHH phát triển rừng Sơn La - người đại diện là Đinh Văn E - giám đốc (bản gốc); 01 hợp đồng góp vốn số 06 ghi ngày 15/8/2024 giữa bên A là bản NP - người đại diện là Đinh Văn M với Công ty TNHH phát triển rừng Sơn La - người đại diện là Đinh Văn E - giám đốc (bản gốc); 01 biên bản họp dân của bản NP, xã HT ghi ngày 06/5/2024 (bản gốc).

- Tài liệu do Nguyễn Văn F giao nộp: 01 hợp đồng thuê đất rừng số 10 ghi ngày 05/12/2024 giữa bên cho thuê là Công ty TNHH phát triển rừng Sơn La - người đại diện là Đinh Văn E - giám đốc với bên thuê là Nguyễn Văn F (bản gốc); 01 hợp đồng thuê đất rừng ghi ngày 07/12/2024 giữa bên cho thuê là Nguyễn Văn F và bên thuê là Nguyễn Văn D1 (bản sao).

- Tiền NHNNVN 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*) do anh Đinh Công T1 (là con trai của Đinh Văn M, đã chết) giao nộp.

- Đinh Văn E giao nộp: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Realme 6i, vỏ màu trắng, kèm 01 sim điện thoại có số thuê bao 0393.756.082.

- Bạc Văn A giao nộp: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 Plus, vỏ màu đen.

2. Kết quả trưng cầu giám định, định giá tài sản

- Ngày 13/01/2025, Cơ quan CSĐT Công an huyện PY có Quyết định trưng cầu giám định số 28/QĐ-ĐC SHS-KTMT về Giám định vị trí, trạng thái, loại rừng, diện tích rừng; số lượng, khối lượng lâm sản bị thiệt hại do hành vi chặt phá rừng của các đối tượng gây ra vào tháng 12/2024 tại bản NP, xã Huy Tường, huyện PY, tỉnh Sơn La gửi đến Chi cục Kiểm lâm tỉnh Sơn La; Ngày 18/03/2025, Chi cục Kiểm lâm tỉnh Sơn La đã có Kết luận giám định tư pháp trong lĩnh vực Lâm nghiệp số 01-2025/KL/GĐCN.

Kết luận: Diện tích vị trí khu vực do các đối tượng chặt, phá như trong nội dung sự việc là 8.940m² (*Tám nghìn chín trăm bốn mươi mét vuông*); Theo bản đồ Kết quả rà soát đất lâm nghiệp theo Quyết định số 326/QĐ TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng chính phủ được phê duyệt tại Quyết định số 886/QĐ-UBND ngày 16/5/2024 vị trí, khu vực do các đối tượng chặt phá nằm tại lô 46 (lo_rs là 46) và lô 64 (lo_rs là 64), khoảnh 5, tiểu khu 471, xã HT, huyện PY, tỉnh Sơn La. Quy hoạch là rừng sản xuất, trạng thái rừng gỗ tự nhiên núi đất lá rộng thường xanh và nửa rụng lá nghèo kiệt (TXK); Trên cơ sở bảng kê lâm sản kèm theo Biên bản khám nghiệm hiện trường xác định số lượng lâm sản thiệt hại bao gồm 233 cây gỗ (*Hai trăm ba mươi ba*) thông thường các loại và tính toán khối lượng lâm sản thiệt hại là 23,907m³ (*Hai mươi ba phẩy chín trăm linh bảy mét khối*).

- Ngày 12/5/2025, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Sơn La có Quyết định trưng cầu giám định bổ sung số 2109/QĐ-CSĐT về Giám định bổ sung vị trí, trạng thái, loại rừng, diện tích rừng bị thiệt hại dưới tán do hành vi chặt phá rừng của các đối tượng gây ra vào tháng 12/2024 tại bản NP, xã HT, huyện PY, tỉnh Sơn La gửi đến Chi cục Kiểm lâm tỉnh Sơn La. Ngày 19/5/2025, Chi cục Kiểm lâm tỉnh Sơn La đã có Kết luận giám định tư pháp trong lĩnh vực Lâm nghiệp số 03-2025/KL/GĐCN.

Kết luận: Tổng diện tích khu vực bị hủy hoại và chặt phá dưới tán rừng là 33.353m².

- Ngày 24/3/2025, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Sơn La đã có Quyết định trưng cầu giám định số 979/QĐ-CSKT về giám định Trạng thái và loại rừng đối với diện tích 42,29ha rừng thuộc tiểu khu 471C và tiểu khu 471 tại bản NP, xã HT, huyện PY, tỉnh Sơn La gửi đến Chi cục Kiểm lâm tỉnh Sơn La. Ngày 28/3/2025, Chi cục Kiểm lâm tỉnh Sơn La đã có Kết luận giám định tư pháp trong lĩnh vực Lâm nghiệp số 02-2025/KL/GĐCN.

Kết luận: Diện tích 42,29ha rừng thuộc tiểu khu 471C và tiểu khu 471 tại bản NP, xã HT, huyện PY, tỉnh Sơn La là loại đất rừng như sau: Đất nằm trong quy hoạch rừng sản xuất là 35,24ha; Đất ngoài quy hoạch 3 loại rừng 7,05ha.

- Ngày 22/3/2025, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Sơn La đã có Yêu cầu định giá tài sản số 888/YC-CSKT đối với 233 cây = 23,907m³ gỗ tròn loại gỗ thông thường gửi đến Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Ngày 12/4/2025, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện PY, tỉnh Sơn La đã có Kết luận định giá tài sản số 03/KLĐGTS đối với 233 cây gỗ (gỗ các loại cây gỗ như: Ba soi, cây sung, Côm tầng, thành ngạch, thừng mực, vối thuốc, vạng trứng) có tổng khối lượng là 23,907m³ có giá trị tại thời điểm ngày 30/12/2024 là 39.278.800đ (*Ba mươi chín triệu hai trăm bảy mươi tám nghìn tám trăm đồng*).

Quá trình điều tra, xác định: Bạc Văn A - Bí thư, trưởng bản NP; Đinh Văn M - Phó trưởng bản, Chi hội A chi hội nông dân bản NP, xã HT và Hà B C - Chủ tịch UBND xã HT đã lạm dụng chức vụ, quyền hạn được giao, cho Công ty TNHH phát triển rừng Sơn La do ông Đinh Văn E là giám đốc thuê đất rừng sản xuất trái pháp luật với diện tích rừng là 35,24ha tương đương 352.240m² để thu lợi bất chính số tiền 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*). Từ việc cho thuê rừng trái pháp luật, đã dẫn đến việc 33.353m² trong tổng diện tích rừng cho thuê bị các đối tượng chưa xác định được hủy hoại, gây thiệt hại về giá trị lâm sản là 39.278.800đ (*Ba mươi chín triệu hai trăm bảy mươi tám nghìn tám trăm đồng*).

3. Kết quả giám định các tài liệu, dữ liệu điện tử có liên quan

- Ngày 07/10/2025, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Sơn La đã có Quyết định trưng cầu giám định tài liệu số 4284/YC-CSKT đối với 01 Hợp đồng thuê đất rừng số 05/HĐTĐ-PTR ngày 15/8/2024 tại bản NP, xã HT, huyện PY, tỉnh Sơn La; 01 Hợp đồng góp vốn số 06/HĐTĐ-PTR ngày 15/8/2024 tại bản NP, xã HT, huyện PY, tỉnh Sơn La; 01 Biên bản họp dân ngày 06/5/2024 tại nhà văn hóa bản NP gửi đến Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La. Ngày 15/10/2025, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La đã có Bản kết luận giám định số 1234/KL-KTHS, kết luận như sau:

+ Chữ ký, chữ viết mang tên Bạc Văn A dưới mục “*Người Chứng Kiến*”, “*Đại Diện chính Quyền Bản*”; Chữ ký, chữ viết mang tên Đinh Văn E dưới mục “*BÊN BÁN*”, “*Đại Diện Công ty TNHH phát triển rừng Sơn La*” dưới mục “*XÁC NHẬN UBND XÃ*” trên các mẫu A1 (*Hợp đồng thuê đất rừng số 05/HĐTĐ-PTR ngày 15/8/2024 tại bản NP, xã HT, huyện PY, tỉnh Sơn La*); A2 (*Hợp đồng góp vốn số 06/HĐTĐ-PTR ngày 15/8/2024 tại bản NP, xã HT, huyện PY, tỉnh Sơn La*); A3 (*Biên bản họp dân ngày 06/5/2024 tại nhà văn hóa bản NP*) là chữ ký, chữ viết của Bạc Văn A và Đinh Văn E.

+ Chữ ký mang tên Hà B C dưới mục “*XÁC NHẬN UBND XÃ*” trên các mẫu A1 (*Hợp đồng thuê đất rừng số 05/HĐTĐ-PTR ngày 15/8/2024 tại bản NP, xã HT,*

huyện PY, tỉnh Sơn La); A2 (Hợp đồng góp vốn số 06/HĐTD-PTR ngày 15/8/2024 tại bản NP, xã HT, huyện PY, tỉnh Sơn La); A3 (Biên bản họp dân ngày 06/5/2024 tại nhà văn hóa bản NP) là chữ ký, chữ viết của Hà B C.

+ Chữ viết trên phần nội dung trên mẫu cần giám định A3 (Biên bản họp dân ngày 06/5/2024 tại nhà văn hóa bản NP) so với chữ viết của Bạc Văn A, Đinh Văn E không phải chữ viết của Bạc Văn A và Đinh Văn E.

- Ngày 25/9/2025, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Sơn La đã có Quyết định trưng cầu giám định dữ liệu điện tử số 2789 đề nghị khôi phục tin nhắn SMS và tin nhắn của tài khoản Zalo của Đinh Văn E mang tên “Đồ Gỗ Nội Thất Nga Hoàng” với tài khoản Zalo của Nguyễn Văn F mang tên “Mạnh Hải Nguyễn” gửi đến Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La. Ngày 17/10/2025, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La đã có Bản kết luận giám định số 1242/KL-KTHS kết quả: Không khôi phục được dữ liệu tin nhắn SMS từ ngày 01/8/2024 đến ngày 04/8/2025 trong điện thoại gửi giám định; Không khôi phục được dữ liệu tin nhắn của tài khoản Zalo tên “Đồ Gỗ Nội Thất Nga Hoàng” với tài khoản Zalo “Mạnh Hải Nguyễn” từ ngày 01/8/2024 đến ngày 26/02/2025.

4. Các tài liệu và tài sản có liên quan trong vụ án

Đối với 01 “biên bản họp dân ghi ngày 06/5/2024 tại nhà văn hóa bản NP” xác định: là do M đưa cho Bạc Văn A và Đinh Văn E ký tên. Kết luận giám định các chữ viết trong biên bản không phải do Đinh Văn E và Bạc Văn A viết. M quyền bản NP xác định ngày 06/5/2024 bản không tổ chức cuộc họp nào có nội dung như trên. Tại bản NP không có công dân nào có tên: Nguyễn Văn V1, Lò Văn Q1, Nguyễn Văn D2, Lò Anh T1, Đinh Văn N1, Đinh Văn T1 như ghi trong biên bản họp dân nêu trên.

Đối với số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) có được từ việc cho thuê đất rừng trái quy định: Đinh Văn M là người trực tiếp cầm số tiền này. Tuy nhiên, do M đã chết nên không xác định được M đã sử dụng 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) vào mục đích gì. Số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) còn lại, sau khi M chết, ngày 27/02/2025, anh Đinh Công T1 (là con trai của M) đã giao nộp lại cho Cơ quan điều tra.

5. Về dân sự, khắc phục hậu quả

- Ngoài số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) đã tạm giữ do anh Đinh Công T1 giao nộp. Quá trình điều tra, ngày 30/10/2025, chị Hà Thị H1 (Vợ của bị cáo Hà B C) và chị Bạc Thị G (Con gái của bị cáo Bạc Văn A) đã tự nguyện nộp tổng 89.278.800đ (tám mươi chín triệu hai trăm bảy mươi tám nghìn tám trăm đồng) để khắc phục hậu quả cho các bị cáo (A, C). Trong đó, 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) là tiền có từ việc cho thuê rừng trái phép và 39.278.800đ (ba mươi chín triệu hai trăm bảy mươi tám nghìn tám trăm đồng) là thiệt hại đối với các cây rừng bị chặt phá tại bản NP, trong đó mỗi gia đình của các bị cáo (A, C) đã tự nguyện khắc phục

số tiền là 44.639.400đ (bốn mươi bốn triệu sáu trăm ba mươi chín nghìn bốn trăm đồng).

- Ông Hà Văn Q đại diện cộng đồng bản NP, xã HT đề nghị các bị cáo có trách nhiệm bồi thường thiệt hại của những cây bị chặt phá, trị giá 39.278.800 đồng và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo A, C.

6. Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án

Thứ nhất: Ông Đinh Văn E là Giám đốc Công ty TNHH phát triển rừng Sơn La. Ngày 15/08/2024 ông E đã ký 02 hợp đồng thuê đất rừng với Bạc Văn A - Bí thư, trưởng bản và Đinh Văn M - Phó trưởng bản, Chi hội trưởng hội nông dân bản NP để thuê 42,29ha đất rừng sản xuất của cộng đồng bản NP. Sau khi ký hợp đồng, ông E đã mang 02 hợp đồng cho Hà B C ký và đóng dấu xác nhận của UBND xã HT. Sau khi thuê được 42,29ha đất rừng sản xuất của cộng đồng bản NP, đến ngày 05/12/2024, ông E đã cho Nguyễn Văn F thuê lại 21,57 ha trong tổng số 42,29ha. Hợp đồng có giá trị 10 năm kể từ ngày 05/12/2024 đến 05/12/2034, giá thuê đất được tính ổn định 2,5 triệu đồng/01ha/01 năm. Sau khi ký hợp đồng xong F đã thanh toán tiền thuê đất đợt 1 là 160.000.000 đồng cho ông E. Sau khi cho F thuê lại một phần diện tích rừng, ông E khai không được thực hiện hành vi hủy hoại rừng, cũng như không biết ai là người đã thực hiện hành vi hủy hoại rừng với diện tích 33.353m².

Thứ hai: Nguyễn Văn F là người ký hợp đồng ngày 05/12/2024 thuê lại 21,57 ha rừng sản xuất của cộng đồng bản NP với Công ty TNHH phát triển rừng Sơn La do Đinh Văn E làm giám đốc. Sau khi thuê được đất, do chưa có nhu cầu sử dụng, ngày 07/12/2024, F đã cho Nguyễn Văn D1 thuê lại toàn bộ 21,57ha, vị trí đất tiểu khu 471C và 471 thuộc bản NP, xã HT, huyện PY, tỉnh Sơn La, giá thuê là 2.500.000 đồng/01ha/01 năm, D1 đã thanh toán số tiền 150.000.000 đồng tiền mặt là tiền thuê rừng 03 năm cho F. Từ ngày ký hợp đồng thuê đất đến hiện tại F khai chưa tiến hành hoạt động trồng cây lâm nghiệp tại khu vực đất đã thuê được. Bản thân F khai cũng không thuê cá nhân, tổ chức nào đến khu vực đất rừng nêu trên để chặt, phát, phá cây rừng.

Thứ ba: Nguyễn Văn D1 là người đã ký hợp đồng ngày 07/12/2024 với Nguyễn Văn F để thuê lại toàn bộ 21,57ha như nêu trên. Từ ngày ký hợp đồng thuê đất đến hiện tại D1 chưa tiến hành hoạt động trồng cây lâm nghiệp tại khu vực đất đã thuê được. Bản thân D1 khai cũng không biết và không thuê cá nhân, tổ chức nào đến khu vực đất rừng nêu trên để chặt, phát, phá cây rừng.

Thứ tư: Đoàn Đức D2, là người được E nhờ đi cùng đến thực địa tại rừng bản NP dùng điện thoại cá nhân để cắm mốc toạ độ trên bản đồ vệ tinh và xác định vị trí đất mà ông E muốn cho anh F thuê lại để làm căn cứ ký hợp đồng thuê, bản thân ông D2 không hưởng lợi ích gì từ việc đo đạc, lập sơ đồ giúp E. Ngoài nội dung thực hiện trên D2 không biết, không thực hiện thêm việc gì khác.

Thứ năm: Đinh Thế X, là người liên hệ tìm người để thuê lại đất của ông E là

anh Nguyễn Văn F. Do E nhờ X liên hệ tìm người để E cho thuê lại đất và hứa sẽ trả công một khoản tiền nhưng đến nay E chưa trả khoản tiền nào, nay X không có ý kiến, yêu cầu gì. Việc có người đến chặt phá rừng thì X không được biết.

* Ông Đinh Văn M - Nguyên Phó trưởng bản, Chi hội trưởng chi hội nông dân bản NP, xã HT, là người cùng Bạc Văn A, Hà B C thực hiện hành vi cho Công ty TNHH phát triển rừng Sơn La do ông Đinh Văn E là giám đốc thuê đất rừng sản xuất trái pháp luật với diện tích rừng như trong hợp đồng đã ký giữa các bên, thu lợi bất chính số tiền 100.000.000 đồng. Sau khi cho thuê rừng trái pháp luật, đã dẫn đến việc 33.353m² trong tổng diện tích rừng cho thuê bị các đối tượng chưa xác định được hủy hoại, thiệt hại về giá trị lâm sản là 39.278.800 đồng. Hành vi của Đinh Văn M đã đủ yếu tố cấu thành tội Vi phạm quy định về quản lý rừng, quy định tại khoản 3 Điều 233 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, ngày 20/12/2024 Đinh Văn M đã chết.

* Đối với hành vi Hủy hoại rừng: Ngày 19/12/2025, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Sơn La đã ra Quyết định bổ sung Quyết định khởi tố vụ án hình sự số 5559/QĐ-CSKT, quyết định khởi tố bổ sung vụ án hình sự “Hủy hoại rừng” xảy ra tháng 12/2024 tại bản NP, xã HT, huyện PY, tỉnh Sơn La. Cùng ngày Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Sơn La đã ra Quyết định tách vụ án hình sự số 5580/QĐ-CSKT, quyết định tách hành vi “Hủy hoại rừng” theo quyết định khởi tố vụ án hình sự số 93/QĐ-CSKT, ngày 25/4/2025 để tiếp tục điều tra, xác minh, xử lý đối với các cá nhân đã thực hiện hành vi hủy hoại 33.353m² rừng sản xuất theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ông Đinh Văn E trình bày: Ông không yêu cầu các bị cáo phải có trách nhiệm hoàn trả lại số tiền mà ông bỏ ra để thuê diện tích đất rừng và không có yêu cầu đề nghị gì.

- Bà Hà Thị H1, bà Bạc Thị G xác định số tiền 89.278.800 đồng là tiền hợp pháp của cá nhân, biết các bị cáo không được hưởng lợi và không bị truy thu, nhưng tự nguyện nộp, đã khắc phục hậu quả mà các bị cáo gây ra và không yêu cầu các bị cáo phải hoàn trả lại.

- Ông Đinh Thế X xác định chỉ giới thiệu cho ông E người có nhu cầu thuê lại đất rừng, không được hưởng lợi và không biết, liên quan đến hành vi vi phạm của các bị cáo.

- Nguyên đơn dân sự: Đại diện của cộng đồng bản NP không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường dân sự và xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Cáo trạng số: 19/CT-VKSKV5 ngày 20/01/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Sơn La, truy tố Bạc Văn A và Hà B C về tội Vi phạm quy định về quản lý rừng, quy định tại điểm a khoản 3 Điều 233 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Sơn La giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Bạc Văn A, Hà B C

phạm tội Vi phạm quy định về quản lý rừng và đề nghị áp dụng điểm a khoản 3 Điều 233; các điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Điều 54, 58; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Bạc Văn A và Hà B C từ 34 đến 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thử thách 05 năm. Giao các bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã PY, tỉnh Sơn La giám sát, giáo dục. Hình phạt bổ sung: Cấm đảm nhiệm các chức vụ có liên quan đối với 02 bị cáo trong thời hạn 02 năm.

Áp dụng Điều 328 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên trả tự do cho các bị cáo ngay tại phiên tòa. Giao các bị cáo cho UBND xã PY, tỉnh Sơn La giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Áp dụng khoản 2 Điều 36 Luật xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam, tạm hoãn xuất cảnh đối với các bị cáo trong thời gian chấp hành án.

Về bồi thường dân sự: Ghi nhận việc đại diện theo pháp luật của cộng đồng bản NP, xã PY, tỉnh Sơn La, không yêu cầu đề nghị các bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường dân sự.

Vật chứng vụ án: Áp dụng điều điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

- Trả lại cho bị cáo Bạc Văn A 01 (một) chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone 8 Plus, vỏ màu đen, bên trong lắp 01 sim điện thoại số thuê bao 0976282516 máy cũ, đã qua sử dụng; do không liên quan đến vụ án.

- Trả lại cho ông Đinh Văn E: 01 (một) chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu Realme 6i, vỏ màu trắng, bên trong lắp 01 sim điện thoại số 0393766082 máy cũ, đã qua sử dụng. do không liên quan đến vụ án.

- Tịch thu nộp Ngân sách nhà nước tổng số tiền 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*) do anh Đinh Công T1, chị Hà Thị H1, chị Bạc Thị G nộp, đã chuyển vào tài khoản tạm giữ của Thi hành án dân sự tỉnh Sơn La theo giấy ủy nhiệm chi số 03 ngày 10/02/2026.

Ghi nhận việc anh Đinh Công T1, chị Hà Thị H1, chị Bạc Thị G không yêu cầu các bị cáo phải có trách nhiệm hoàn trả khoản tiền đã nộp.

- Trả lại cho chị Bạc Thị G số tiền là 19.639.400đ (*Mười chín triệu sáu trăm ba mươi chín nghìn bốn trăm đồng*); cho chị Hà Thị H1 số tiền là 19.639.400đ (*Mười chín triệu sáu trăm ba mươi chín nghìn bốn trăm đồng*), hiện đã chuyển vào tài khoản tạm giữ của Thi hành án dân sự tỉnh Sơn La theo giấy ủy nhiệm chi số 03 ngày 10/02/2026.

Về án phí: Buộc bị cáo Hà B C phải chịu án phí sơ thẩm hình sự. Miễn án phí sơ thẩm hình sự đối với bị cáo Bạc Văn A do là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn.

Người bào chữa cho bị cáo Bạc Văn A: đề nghị Hội đồng xét xử xem xét: bị cáo có nhân thân tốt, trước khi phạm tội bị cáo luôn chấp hành đúng chính sách pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân nơi cư trú, quá trình hoạt động, công tác có được nhiều thành tích, cụ thể: nhiều năm được tặng Giấy khen; bị cáo có hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54, 58 để quyết định mức hình phạt dưới khung hình phạt phù hợp với tính chất mức độ hành vi của bị cáo và cho bị cáo được hưởng án treo, thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật để bị cáo có điều kiện cải tạo giáo dục tại địa phương và gia đình, sớm trở thành người có ích cho xã hội. Áp dụng Điều 328 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên trả tự do cho bị cáo ngay tại phiên tòa. Đề nghị miễn án phí sơ thẩm cho bị cáo. Về các nội dung khác: nhất trí với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Không có ý kiến tranh luận gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát qua phần tranh luận, giữ nguyên quan điểm truy tố. Do ý kiến bào chữa, đề nghị của người bào chữa phù hợp với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nên không có tranh luận gì thêm.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã khai trong quá trình điều tra, tại phiên tòa không có ý kiến gì tranh luận với vị đại diện Viện kiểm sát, bị cáo A không có ý kiến bổ sung gì với lời bào chữa của người bào chữa. Những người tham gia tố tụng khác nhất trí với luận tội và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Sơn La, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Sơn La, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Đại diện UBND xã PY, đại diện Hạt kiểm lâm khu vực V, ông Nguyễn Văn F, ông Nguyễn Văn D, Đoàn Đức D1, Đinh Công T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và gửi ý kiến đến Hội đồng xét xử. Xét thấy, hồ sơ vụ án đã có đầy đủ lời khai và việc vắng mặt không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, do

đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt theo khoản 1 Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Về hành vi phạm tội của bị cáo và trách nhiệm hình sự:

Tại phiên tòa, các bị cáo vẫn giữ nguyên lời khai tại Cơ quan điều tra, các bị cáo không thay đổi, bổ sung thêm nội dung gì làm thay đổi nội dung của vụ án. Các bị cáo hoàn toàn nhất trí với cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Sơn La. Các bị cáo khẳng định việc khai báo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa ngày hôm nay là hoàn toàn tự nguyện và đúng với hành vi phạm tội các bị cáo đã thực hiện. Xét lời khai của các bị cáo là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, vật chứng đã thu giữ, các kết luận giám định, lời khai của những người liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Từ những chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Ngày 15/8/2024, Đinh Văn M - Chi hội A chi hội nông dân bản NP, xã HT, Bạc Văn A - Bí thư, trưởng bản NP, Hà B C - Chủ tịch UBND xã HT, huyện PY mặc dù không có thẩm quyền cho thuê đất rừng sản xuất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất rừng sản xuất nhưng đã lạm dụng chức vụ, quyền hạn được giao, cho Công ty TNHH phát triển rừng Sơn La do ông Đinh Văn E là giám đốc, thuê đất rừng sản xuất được giao khoán cho cộng đồng bản NP, xã HT và nhận góp vốn diện tích đất rừng nêu trên với diện tích theo kết luận giám định là 35,24ha, tương đương 352.240m² để thu lợi bất chính số tiền 100.000.000đ (*một trăm triệu đồng*). Hành vi của các bị cáo đã vi phạm quy định tại Điều 123; khoản 2 Điều 178 Luật Đất đai năm 2024; Điều 23 và điểm c khoản 2 Điều 86 Luật Lâm nghiệp. Trong tổng diện tích rừng cho thuê có 33.353m² diện tích rừng bị các đối tượng khác (chưa xác định) hủy hoại, gây thiệt hại về giá trị lâm sản là 39.278.800 (*ba mươi chín triệu hai trăm bảy mươi tám nghìn tám trăm đồng*). Do đó, hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội Vi phạm quy định về quản lý rừng, quy định tại điểm a khoản 3 Điều 233 Bộ luật Hình sự. Đối với Đinh Văn M do đã chết nên không đặt vấn đề xử lý.

[4] Xét về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

Hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp rất nghiêm trọng, gây nguy hiểm rất lớn cho xã hội, xâm phạm đến chế độ quản lý, bảo vệ và phát triển rừng cũng như trật tự quản lý nhà nước về đất rừng nên cần áp dụng hình phạt nghiêm minh, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo để giáo dục, cải tạo riêng và phòng ngừa chung.

Xét về nhân thân của các bị cáo: Các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không có.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo Bạc Văn A, Hà B C mặc dù bản thân không được sử dụng và cũng không bị truy thu một khoản tiền nào,

nhưng đã tích cực tác động đến gia đình để nộp 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) nhằm khắc phục hậu quả do hành vi vi phạm của các bị cáo gây ra.

Trong quá trình công tác, bị cáo Hà B C được chủ tịch ủy ban nhân tỉnh Sơn La tặng Bằng khen; Ủy ban kiểm tra Trung ương, tặng kỷ niệm chương và nhiều năm được các cấp tặng giấy khen; Bố, mẹ đẻ của bị cáo được tặng thưởng Huy chương Kháng chiến chống Mỹ Hạng nhất; Bị cáo Bạc Văn A được tặng Huy hiệu 30 năm tuổi Đảng và nhiều năm được tặng Giấy khen;

Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn dân sự đề nghị xin giảm nhẹ hình phạt cho cả hai bị cáo, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Hà B C và Bạc Văn A.

Hành vi phạm tội của các bị cáo xuất phát từ mong muốn phát triển kinh tế xã hội của địa phương, tránh lãng phí tài nguyên rừng, tăng hiệu quả sử dụng đất rừng. Các bị cáo đều không được hưởng lợi ích cá nhân từ hành vi phạm tội. Các bị cáo đều có nơi cư trú rõ ràng, nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội, mà chỉ cần áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo đối với các bị cáo là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây ra, giao các bị cáo về cho chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú, quản lý, giáo dục cũng có thể trở thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội, thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật đối với các bị cáo.

Phân hoá vai trò phạm tội: Đinh Văn M là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội và giữ vai trò chính trong vụ án, do M đã chết nên không xem xét, xử lý. Còn bị cáo Bạc Văn A - Bí thư, trưởng ban NP là đồng phạm, giúp sức trong vụ án. Bị cáo Hà B C - Chủ tịch UBND xã HT, huyện PY, đã ký xác nhận vào hợp đồng cho thuê đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất trái pháp luật mặc dù không có thỏa thuận trước, không hưởng lợi. Việc xác nhận vào hợp đồng của C thể hiện C đã tiếp nhận ý chí của A và M. Do đó, hành vi phạm tội của C thuộc trường hợp đồng phạm thứ yếu. Các bị cáo cố ý cùng thực hiện tội phạm do đó các bị cáo phạm tội trong trường hợp đồng phạm theo quy định tại Điều 17 Bộ luật Hình sự, khi quyết định hình phạt cần căn cứ Điều 58 Bộ luật Hình sự xem xét tính chất của đồng phạm, tính chất mức độ tham gia phạm tội của từng bị cáo.

Đối với thời gian tạm giam của bị cáo Bạc Văn A, tính từ ngày 26/4/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm và bị cáo Hà B C, tính từ ngày 14/9/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm sẽ được khấu trừ khi bị cáo bị áp dụng hình phạt tù.

[5] Về hình phạt bổ sung: Cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm. Quá trình điều tra và thẩm vấn công khai tại phiên tòa, xét thấy các bị cáo từng là người có chức vụ, do đó cần cấm đảm nhiệm chức vụ có liên quan đối với các bị cáo là có căn cứ đúng theo quy định tại khoản 4 Điều 233 Bộ luật Hình sự.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Đối với trị giá thiệt hại của diện tích rừng do hành vi hủy hoại rừng gây ra là

39.278.800đ (*ba mươi chín triệu hai trăm bảy mươi tám nghìn tám trăm đồng*), do hành vi hủy hoại 33.353m² rừng. do hành vi hủy hoại rừng đã được tách ra để tiếp tục điều tra và chưa được xử lý trong vụ án này, tại phiên tòa đại diện theo pháp luật của Cộng đồng bản NP không yêu cầu các bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại do hành vi hủy hoại rừng gây ra trong vụ án này. Do đó Hội đồng xét xử không đề cập đến việc xử lý.

[7] Về vật chứng: Đối với số tiền 100.000.000đ (*một trăm triệu đồng*), trong đó có 50.000.000đ (*năm mươi triệu đồng*) là tiền do Đinh Công T1 (con ông Đinh Văn M) giao nộp xác định là khoản tiền do hành vi phạm tội mà có; 50.000.000đ (*năm mươi triệu đồng*) là khoản tiền do chị Hà Thị H1 (Vợ của bị cáo Hà B C) và chị Bạc Thị G (Con gái của bị cáo Bạc Văn A) đã tự nguyện nộp để khắc phục hậu quả do hành vi vi phạm của các bị cáo gây, đã chuyển vào tài khoản tạm giữ của thi hành án dân sự tỉnh Sơn La, nên cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước. Đại diện gia đình các bị cáo, không yêu cầu các bị cáo phải có trách nhiệm hoàn trả số tiền trên. Xét là tự nguyện, đúng pháp luật do đó cần ghi nhận.

Đối với 01 điện thoại di động Realme 6i bên trong có 01 sim điện thoại, quá trình điều tra và thẩm vấn công khai tại phiên tòa, xác định là tài sản hợp pháp của ông Đinh Văn E không liên quan đến hành vi vi phạm của các bị cáo, nên cần trả lại cho ông Đinh Văn E được quyền quản lý, sử dụng.

Đối với 01 điện thoại di động Iphone 8 Plus bên trong có 01 sim điện thoại quá trình điều tra và thẩm vấn công khai tại phiên tòa, xác định là tài sản hợp pháp của bị cáo Bạc Văn A không liên quan đến hành vi vi phạm của các bị cáo, nên cần trả lại cho bị cáo A được quyền quản lý, sử dụng.

Đối với số tiền 39.278.800đ (*ba mươi chín triệu hai trăm bảy mươi tám nghìn tám trăm đồng*) quá trình điều tra và thẩm vấn công khai tại phiên tòa xác định đây là khoản tiền do chị Hà Thị H1 (Vợ của bị cáo Hà B C) và chị Bạc Thị G (Con gái của bị cáo Bạc Văn A) đã tự nguyện nộp để khắc phục hậu quả do hành vi hủy hoại 33.353m² rừng. Do hành vi hủy hoại rừng đã được tách ra để tiếp tục điều tra và chưa được xử lý trong vụ án này, nên cần tuyên trả lại cho chị Hà Thị H1 được quyền quản lý, sử dụng 19.639.400đ (*Mười chín triệu sáu trăm ba mươi chín nghìn bốn trăm đồng*); chị Bạc Thị G được quyền quản lý, sử dụng 19.639.400đ (*Mười chín triệu sáu trăm ba mươi chín nghìn bốn trăm đồng*);

Ghi nhận Cơ quan cảnh sát điều tra đã giao 233 cây gỗ các loại cho UBND xã HT, nay là xã PY, tỉnh Sơn La và Ban quản lý bản NP quản lý, bảo vệ. Do đó Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xử lý.

[8] Về nội dung khác:

- Đối với ông Đinh Văn E là người thuê đất rừng với các bị cáo A và C. Hành vi không đủ yếu tố cấu thành tội Vi phạm quy định về quản lý rừng, do đó không phải là đồng phạm trong vụ án. Đối với số tiền bỏ ra để thuê đất rừng là của ông Đinh

Văn E, tại phiên tòa ông không có yêu cầu các bị cáo phải bồi thường và không có yêu cầu đề nghị gì. Do đó Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xử lý.

- Đối với ông Đinh Thế X là người cùng đi với ông Đinh Văn E. Nhưng không trực tiếp đứng ra thỏa thuận, ký hợp đồng. Không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo trong vụ án này. Tại phiên tòa ông X xác định không được nhận lợi ích gì từ việc giúp ông E gặp và ký hợp đồng với người thuê lại đất rừng với ông E. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét, xử lý là có căn cứ.

- Đối với ông Nguyễn Văn F, quá trình điều tra xác định là người thuê lại đất rừng từ ông E. Không liên quan đến hành vi phạm tội của A và C. Đối với số tiền bỏ ra để thuê lại đất rừng hiện không có yêu cầu đề nghị gì, nên Hội đồng xét xử không xem xét, xử lý.

- Đối với ông Nguyễn Văn D1: là người thuê lại đất rừng từ ông F. Không liên quan đến hành vi phạm tội của A và C. Đối với số tiền bỏ ra để thuê lại đất rừng từ F hiện không có yêu cầu đề nghị gì, nên Hội đồng xét xử không xem xét, xử lý.

- Đối với ông Đoàn Đức D2: là người được đi đo đạc, vẽ sơ đồ vị trí đất cho ông E do do quen biết nên không nhận lợi ích gì từ ông E, ông D2 không biết và không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo nên Hội đồng xem xét không đặt vấn đề xử lý.

[9] Đối với Hạt kiểm lâm khu vực V, UBND xã PY, Cộng đồng bản NP, xã PY Sơn La, cần thường xuyên kiểm tra việc quản lý, bảo vệ rừng và kết quả thực hiện thực hiện chức trách nhiệm vụ được giao. Tăng cường việc tuyên truyền về khoanh nuôi bảo vệ rừng đến từng người dân trên địa bàn.

[10] Đối với Đinh Văn M-Nguyên Phó trưởng bản, Chi hội A chi hội nông dân bản NP, xã HT, là người cùng các bị cáo Bạc Văn A, Hà B C thực hiện hành vi cho Công ty TNHH phát triển rừng Sơn La do ông Đinh Văn E là giám đốc thuê đất rừng sản xuất trái pháp luật với diện tích rừng như trong hợp đồng đã ký giữa các bên là 352.240m², thu lợi bất chính số tiền 100.000.000 đồng. Trong tổng diện tích rừng cho thuê bị các đối tượng chưa xác định được hủy hoại 33.353m², gây thiệt hại về giá trị lâm sản là 39.278.800đ. Hành vi của Đinh Văn M đã đủ yếu tố cấu thành tội Vi phạm quy định về quản lý rừng, quy định tại khoản 3 Điều 233 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, ngày 20/12/2024 Đinh Văn M đã chết. Do đó Hội đồng xét xử không đề cập đến việc xử lý.

[11] Đối với hành vi Hủy hoại rừng: Ngày 19/12/2025, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Sơn La đã ra Quyết định bổ sung Quyết định khởi tố vụ án hình sự số 5559/QĐ-CSKT, quyết định khởi tố bổ sung vụ án hình sự “Hủy hoại rừng” xảy ra tháng 12/2024 tại bản NP, xã HT, huyện PY, tỉnh Sơn La. Cùng ngày Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Sơn La đã ra Quyết định tách vụ án hình sự số 5580/QĐ-CSKT, quyết định tách hành vi “Hủy hoại rừng” theo quyết định khởi tố vụ án hình sự số 93/QĐ-CSKT, ngày 25/4/2025 để tiếp tục điều tra, xác minh, xử lý đối với các cá nhân đã

thực hiện hành vi hủy hoại 33.353m² rừng sản xuất theo quy định của pháp luật. Do đó Hội đồng xét xử không đề cập đến việc xử lý.

[12] Về án phí và quyền kháng cáo: Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn nộp án phí sơ thẩm hình sự cho bị cáo A do là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn. Buộc bị cáo C phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Tuyên bố trả tự do cho các bị cáo ngay tại phiên tòa, nếu các bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt: Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 233; các điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; khoản 1, 2, 5 Điều 65; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố các bị cáo Bạc Văn A và Hà B C phạm tội Vi phạm quy định về quản lý rừng.

Xử phạt bị cáo Bạc Văn A 03 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 (năm) năm, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 12/02/2026).

Xử phạt bị cáo Hà B C 02 (hai) năm 10 (mười) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 (năm) năm, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 12/02/2026).

Phạt bổ sung: Cấm đảm nhiệm chức vụ có liên quan đối với bị cáo Bạc Văn A và Hà B C trong thời hạn 02 (hai) năm.

- Giao các bị cáo cho UBND xã PY, tỉnh Sơn La để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thì cơ quan, tổ chức giám sát, giáo dục thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

- Căn cứ khoản 2 Điều 36 Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam. Tạm hoãn xuất cảnh đối với bị cáo Bạc Văn A và Hà B C trong thời gian chấp hành án.

2. Về bồi thường dân sự: Ghi nhận việc đại diện theo pháp luật của cộng đồng bản NP, xã PY, tỉnh Sơn La, không yêu cầu đề nghị các bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường dân sự.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Trả lại cho bị cáo Bạc Văn A 01 (một) chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone 8 Plus, vỏ màu đen, bên trong lắp 01 (một) sim điện thoại số thuê bao 0976282516 máy cũ, đã qua sử dụng.

- Trả lại cho ông Đinh Văn E: 01 (một) chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu Realme 6i, vỏ màu trắng, bên trong lắp 01 (một) sim điện thoại số 0393766082 máy cũ, đã qua sử dụng.

- Tịch thu nộp Ngân sách nhà nước tổng số tiền 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*) do anh Đinh Công T1, chị Hà Thị H1, chị Bạc Thị G nộp, đã chuyển vào tài khoản tạm giữ của Thi hành án dân sự tỉnh Sơn La theo giấy ủy nhiệm chi số 03 ngày 10/02/2026.

Ghi nhận việc anh Đinh Công T1, chị Hà Thị H1, chị Bạc Thị G không yêu cầu các bị cáo phải có trách nhiệm hoàn trả khoản tiền đã nộp.

- Trả lại cho chị Bạc Thị G số tiền là 19.639.400đ (*Mười chín triệu sáu trăm ba mươi chín nghìn bốn trăm đồng*); Trả lại cho chị Hà Thị H1 số tiền là 19.639.400đ (*Mười chín triệu sáu trăm ba mươi chín nghìn bốn trăm đồng*), hiện đã chuyển vào tài khoản tạm giữ của Thi hành án dân sự tỉnh Sơn La theo giấy ủy nhiệm chi số 03 ngày 10/02/2026.

(*Mô tả chi tiết theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản vào hồi 14 giờ 00 phút, ngày 10/02/2026 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Sơn La với Phòng thi hành án dân sự khu vực 5 - Sơn La*).

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn nộp án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Bạc Văn A. Bị cáo Hà B C phải nộp 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự, các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt và nguyên đơn dân sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (12/02/2026).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- VKSND khu vực 5 - Sơn La;
- Phòng THADS khu vực 5 - Sơn La;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh Sơn La;
- Phân trại tạm giam PY;
- Trại tạm giam CA tỉnh Sơn La;
- Thi hành án hình sự;
- Các bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Anh Đức